

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING
VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

DANH SÁCH SINH VIÊN LIÊN KẾT HELP NỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ 1/2025

MSSV	Họ tên	Lớp	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ	Tên khoản nợ
E1600503	Huỳnh Thị Thảo Vi	15HELP04	11.424.000	-	11.424.000	MKT101)
E1700782	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	16HELP_02	11.120.000	-	11.120.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT303); 2025-HK01: Phí học lại(MKT203)
E1800047	Ngô Hoàng Băng Châu	17HELP_02	5.560.000	-	5.560.000	2025-HK01: Phí học lại(MGT212)
LK19000117	Nguyễn Giang Phương Quỳnh	19HELP01	900.000	-	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK19000122	Nguyễn Vương Tấn Tài	19HELP01	900.000	-	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK19000020	Trương Anh Đạt	19HELP01	11.764.000	10.864.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK19000019	Huỳnh Tiến Đạt	19HELP02	5.560.000	-	5.560.000	2025-HK01: Phí học lại(MKT311)
LK19000105	Lê Vương Phú	19HELP02	22.240.000	16.680.000	5.560.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT306)
LK20000152	Trung	20HELP01	900.000	-	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20000102	Nguyễn Yến Nhi	20HELP01	900.000	250.000	650.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20000008	Đào Thị Tú Anh	20HELP01	16.680.000	-	16.680.000	2025-HK01: Phí học phần(LAW305, MGT303, MGT304)
LK20000108	Quách Kim Phong	20HELP01	28.104.000	-	28.104.000	2025-HK01: Phí học phần(LAW305, MGT200, MGT303, MGT304); 2025-HK01 Phí học lại(ACC103)
LK20000093	Hồ Khánh Nguyên	20HELP01	29.600.000	27.800.000	1.800.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20000147	Lê Thị Thùy Trang	20HELP01	34.248.000	28.688.000	5.560.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT303)
LK20000164	Lê Thị Khánh Vi	20HELP02	900.000	-	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210119	Nguyễn Hoàng Minh Thy	20HELP02	900.000	-	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20000038	Lưu Mỹ Hoa	20HELP02	900.000	-	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210016	Hoa Tiến Đạt	20HELP02	2.700.000	-	2.700.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20000092	Trần Đức Trung Nguyên	20HELP02	5.560.000	-	5.560.000	2025-HK01: Phí học lại(MKT205)
LK20000089	Trịnh Nguyễn Hoàng Nghi	20HELP02	11.120.000	-	11.120.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT303, MKT311)

MSSV	Họ tên	Lớp	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ	Tên khoản nợ
LK20000010	Châu Quỳnh Anh	20HELP02	16.680.000	-	16.680.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT203); 2025-HK01: Phí học lại(MGT303, MKT205)
LK20000082	Đình Nhật Nam	20HELP02	16.984.000	-	16.984.000	2025-HK01: Phí học lại(MKT205, ACC103 MGT212)
LK20000156	Lê Anh Tuấn	20HELP02	17.580.000	16.680.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20000127	Hoàng Trung Thông	20HELP02	22.544.000	-	22.544.000	2025-HK01: Phí học lại(MKT205, ACC103 MKT207, MGT212)
LK20000166	Văn Tiểu V Vi	20HELP04	22.372.000	900.000	21.472.000	2025-HK01: Phí học phần(ACC303, TAX301); 2025-HK01: Phí học lại(ACC202, FIN203)
LK20000078	Bùi Thị Thùy Mỹ	20HELP04	27.592.000	-	27.592.000	2025-HK01: Phí học phần(ACC202, MGT303); 2025-HK01: Phí học lại(ACC103, MGT212, LAW201)
LK20000189	Phan Trọng Nghĩa	20HELP04	37.384.000	32.080.000	5.304.000	2025-HK01: Phí học phần(ACC303)
LK20210055	Phan Hồng Mỹ Linh	21HELP_KDQT01	12.080.000	11.180.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210168	Phạm Lê Quỳnh An	21HELP_KDQT01	22.240.000	-	22.240.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, LAW305, MGT303, MGT304)
LK20210121	Ninh Ngọc Đức	21HELP_KDQT01	23.200.000	22.300.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210137	Lê Bích Ngọc	21HELP_KDQT01	23.200.000	22.300.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210068	Đỗ Nguyên Anh Thư	21HELP_KDQT01	23.200.000	22.300.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210132	Đặng Tuyết Thi	21HELP_KDQT01	24.024.520	23.124.520	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210134	Mạch Tấn Lộc	21HELP_KDQT01	24.040.000	22.240.000	1.800.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210141	Nguyễn Thị Thu Cẩm	21HELP_KDQT01	24.100.000	22.300.000	1.800.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210081	Nguyễn Trần Gia Mỹ	21HELP_KDQT01	24.576.000	-	24.576.000	2025-HK01: Phí học phần(ACC103, ECO102, LAW101, MKT101)
LK20210041	Phan Hà Bảo Ngọc	21HELP_KDQT01	24.924.520	23.124.520	1.800.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210066	Đỗ Đình Chiến	21HELP_KDQT01	25.824.520	23.124.520	2.700.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210025	Lê Thị Ngọc Linh	21HELP_KDQT01	27.800.000	11.120.000	16.680.000	2025-HK01: Phí học phần(ECO204, LAW305, MGT301)
LK20210054	Trần Thị Kim Hoàn	21HELP_KDQT01	28.504.000	27.604.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210157	Phạm Thị Kim Quỳnh	21HELP_KDQT01	29.660.000	16.740.000	12.920.000	2025-HK01: Phí học lại(ECO203, MGT212); 2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210173	Hồ Quế Anh	21HELP_KDQT01	30.812.520	29.012.520	1.800.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại

MSSV	Họ tên	Lớp	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ	Tên khoản nợ
LK20210166	Nguyễn Gia Bảo Vy	21HELP_KDQT01	33.664.000	-	33.664.000	2025-HK01: Phí học phần(ECO204, ECO203, LAW305, MGT200, MGT301); 2025-HK01: Phí học lại(LAW101)
LK20210050	Đặng Lê Hoàng Phúc	21HELP_KDQT01	35.148.000	-	35.148.000	2025-HK01: Phí học phần(LAW305, MGT200, MGT303, MGT304); 2025-HK01 Phí học lại(LAW101, ACC103); 2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210284	Trần Nguyễn Xuân Mai	21HELP_KDQT02	17.580.000	16.680.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210283	Hoàng Thị Mai Ly	21HELP_KDQT02	21.984.000	-	21.984.000	2025-HK01: Phí học phần(LAW305, MGT303, MGT304, MGT200)
LK20210278	Lê Nguyễn Ngọc Loan	21HELP_KDQT02	22.568.000	-	22.568.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, MGT303, MGT304); 2025-HK01: Phí học lại(LAW101)
LK20210320	Bạch Thị Thu Nguyệt	21HELP_KDQT02	22.884.000	21.984.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210259	Trần Nguyễn Hiếu Kiên	21HELP_KDQT02	23.140.000	-	23.140.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, MGT301, LAW305); 2025-HK01: Phí học lại(ECO203); 2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210287	Trần Kim Mẫn	21HELP_KDQT02	23.200.000	22.300.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210293	Dương Hoàng Khải My	21HELP_KDQT02	23.200.000	22.300.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210308	Nghi	21HELP_KDQT02	23.200.000	22.300.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210327	Hoàng Nguyễn Ngọc Nhi	21HELP_KDQT02	23.200.000	22.300.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210346	Phan Thị Cẩm Phúc	21HELP_KDQT02	24.084.520	23.184.520	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210307	Hoàng Phương Ngân	21HELP_KDQT02	24.100.000	22.300.000	1.800.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210204	Phạm Đăng Dương	21HELP_KDQT02	25.000.000	22.300.000	2.700.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210322	Đặng Kiều Phương Nhi	21HELP_KDQT02	27.800.000	-	27.800.000	2025-HK01: Phí học phần(LAW305, MGT212, MGT303, MGT304, MGT200)
LK20210246	Tôn Thất Phúc Khang	21HELP_KDQT02	28.760.000	27.860.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210223	Trịnh Nguyễn Trung Hiếu	21HELP_KDQT02	30.184.000	17.264.000	12.920.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT303, MGT304); 2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210243	Trần Nguyễn Xuân Khải	21HELP_KDQT02	31.968.520	29.268.520	2.700.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210286	Ngô Thị Thanh Mai	21HELP_KDQT02	33.420.000	60.000	33.360.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT303, LAW305, MGT200, MGT304); 2025-HK01 Phí học lại(MGT212, MGT301)

MSSV	Họ tên	Lớp	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ	Tên khoản nợ
LK20210233	Đặng Thị Quỳnh Hương	21HELP_KDQT02	34.260.000	-	34.260.000	2025-HK01: Phí học phần(ECO204, LAW305, MGT200, MGT212, MGT303, MGT304); 2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210399	Đỗ Ngọc Bảo Trân	21HELP_KDQT03	17.640.000	16.740.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210416	Nguyễn Thanh Trúc	21HELP_KDQT03	22.240.000	-	22.240.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT303, MGT304, LAW305, MGT200)
LK20220187	Nguyễn Lương Anh Minh	21HELP_KDQT03	22.240.000	-	22.240.000	2025-HK01: Phí học phần(LAW305, MGT200, MGT303, MGT304)
LK20220420	Vũ Thùy Linh	21HELP_KDQT03	23.140.000	22.240.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220160	Nguyễn Đăng Khôi	21HELP_KDQT03	23.140.000	22.240.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210379	Lê Ngọc Thiện	21HELP_KDQT03	23.200.000	22.300.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210439	Hồ Chí Vỹ	21HELP_KDQT03	23.200.000	22.300.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210371	Nguyễn Kim Thành	21HELP_KDQT03	23.724.000	22.824.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220353	Trần Song Thanh Ngân	21HELP_KDQT03	24.084.520	23.184.520	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210391	Nguyễn Bá Tín	21HELP_KDQT03	28.760.000	27.860.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210406	Đỗ Thị Thủy Trang	21HELP_KDQT03	29.600.000	27.800.000	1.800.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210426	Trần Lê Vi	21HELP_KDQT03	29.660.000	27.860.000	1.800.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210377	Vũ Thị Thanh Thảo	21HELP_KDQT03	30.168.520	18.148.520	12.020.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT304, MGT200); 2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210447	Nguyễn Trương Phương Uyên	21HELP_KDQT03	35.412.520	884.520	34.528.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200); 2025-HK01: Phí học lại(ACC103, ECO102, LAW305, MGT212, MGT301)
LK20210072	Trịnh Ngọc Hà	21HELP_KT	12.468.000	11.180.000	1.288.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210075	Nguyễn Mỹ Hằng	21HELP_MA01	960.000	60.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210120	Nguyễn Hoàng Phúc	21HELP_MA01	22.240.000	-	22.240.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, MGT301, MKT306, MKT311)
LK20210014	Nguyễn Lê Bảo Anh	21HELP_MA01	22.240.000	-	22.240.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, MGT301, MKT306, MKT311)
LK20210059	Bùi Đoàn Ánh Tuyết	21HELP_MA01	24.040.000	22.240.000	1.800.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210060	Trần Phương Uyên	21HELP_MA01	24.084.520	23.184.520	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210024	Lê Thị Yến Nhi	21HELP_MA01	30.232.000	29.332.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210056	Lê Trâm Anh	21HELP_MA01	33.664.000	28.104.000	5.560.000	2025-HK01: Phí học lại(MGT212)

MSSV	Họ tên	Lớp	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ	Tên khoản nợ
LK20210027	Bùi Huyền Trang	21HELP_MA01	40.404.000	-	40.404.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT306, MKT205, MKT207, MGT200, MGT212, MKT203); 2025-HK01: Phí học lại(ACC103); 2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210208	Đinh Vũ Kiều Giang	21HELP_MA02	7.044.000	-	7.044.000	2025-HK01: Phí học lại(LAW101); 2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210189	Nguyễn Tuấn Gia Bảo	21HELP_MA02	16.680.000	11.120.000	5.560.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT301)
LK20210221	Nguyễn Nhật Hạo	21HELP_MA02	17.568.000	-	17.568.000	2025-HK01: Phí học phần(ACC103); 2025-HK01: Phí học lại(LAW101, MGT212)
LK20210135	Nguyễn Hữu Khánh	21HELP_MA02	22.240.000	-	22.240.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, MKT306, MGT301, MKT311)
LK20210160	Nguyễn Thiên Thiên	21HELP_MA02	23.140.000	-	23.140.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, MGT301, MKT306, MKT311); 2025-HK01 Lệ phí thi lại
LK20210155	Trần Thư Kỳ	21HELP_MA02	23.184.520	944.520	22.240.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, MGT301, MKT306, MKT311)
LK20210227	Vũ Thị Hồng	21HELP_MA02	24.016.000	-	24.016.000	2025-HK01: Phí học phần(ACC103, ECO102, MKT101, LAW101)
LK20210198	Nguyễn Thị Thanh Diệp	21HELP_MA02	29.344.000	28.444.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210197	Lê Triệu Dĩ	21HELP_MA02	29.888.520	28.988.520	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210323	Nguyễn Ngọc Ái Nhi	21HELP_MA03	900.000	-	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210250	Tô Ngọc Bảo Khanh	21HELP_MA03	11.120.000	-	11.120.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT306, MKT311)
LK20210376	Phạm Phương Thảo	21HELP_MA03	11.120.000	-	11.120.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT205, MKT207)
LK20210382	Phạm Nguyễn Quỳnh Thư	21HELP_MA03	22.240.000	16.680.000	5.560.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT311)
LK20210400	Phan Hoài Bảo Trân	21HELP_MA03	22.300.000	60.000	22.240.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, MGT301, MKT306, MKT311)
LK20210306	Hà Kim Ngân	21HELP_MA03	23.184.520	944.520	22.240.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, MGT301, MKT306, MKT311)
LK20210335	Trần Hồ Quỳnh Như	21HELP_MA03	24.084.520	23.184.520	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210295	Lê Na	21HELP_MA03	24.100.000	22.300.000	1.800.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210393	Hoàng Ngọc Trâm	21HELP_MA03	30.168.520	29.268.520	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại

MSSV	Họ tên	Lớp	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ	Tên khoản nợ
LK20210282	Lê Tuấn Long	21HELP_MA03	33.360.000	-	33.360.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT301, MKT306, MKT311, MGT200, MKT203, MKT207)
LK20210397	Cao Ngọc Quỳnh Trâm	21HELP_MA03	33.360.000	-	33.360.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT301, MKT311, MGT200, MKT306); 2025-HK01 Phí học lại(MGT212, MKT207)
LK20210361	Trần Nhật Quang	21HELP_MA03	34.304.520	944.520	33.360.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT301, MKT306, MKT311, MGT200); 2025-HK01 Phí học lại(MKT205, MKT207)
LK20210254	Đoàn Anh Khoa	21HELP_MA03	38.920.000	22.240.000	16.680.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT203, MKT207, MKT311)
LK20210356	Trần Minh Quân	21HELP_MA03	40.088.000	-	40.088.000	MKT205, MKT207, MKT306, ECO102); 2025-HK01: Phí học lại(LAW101, MGT212)
LK20210444	Phan Hoàng Mỹ Linh	21HELP_MA04	17.564.520	12.004.520	5.560.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT311)
LK20210412	Đặng Ngọc Tú Trinh	21HELP_MA04	22.300.000	60.000	22.240.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, MGT301, MKT306); 2025-HK01: Phí học lại(MGT212)
LK20220268	Nguyễn Thiên Phú	21HELP_MA04	22.300.000	60.000	22.240.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, MGT301, MKT306, MKT311)
LK20220072	Hoàng Lê Khánh Huy	21HELP_MA04	23.140.000	22.240.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220350	Trần Ngọc Vân Thanh	21HELP_MA04	28.684.520	23.124.520	5.560.000	2025-HK01: Phí học lại(MGT212)
LK20210118	Nguyễn Phạm Thanh Duy	21HELP_TC	960.000	60.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210031	Lương Thị Hà Giang	21HELP_TC	23.140.000	22.240.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210088	Nguyễn Phương Linh	21HELP_TC	24.684.000	6.204.000	18.480.000	2025-HK01: Phí học phần(FIN307, MGT200); 2025-HK01: Phí học lại(FIN203); 2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20210332	Nguyễn Thúy Nhu	21HELP_TC	27.544.000	2.752.000	24.792.000	2025-HK01: Phí học phần(FIN306, MGT303, FIN307, MGT200); 2025-HK01: Phí học lại(FIN203)
LK20210099	Trần Hương Trang	21HELP_TC	29.284.000	28.384.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220131	Lê Trần Bảo Trân	22HELP_KDQT01	23.748.000	22.848.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại

MSSV	Họ tên	Lớp	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ	Tên khoản nợ
LK20220024	Đặng Bảo Nghi	22HELP_KDQT01	24.296.000	-	24.296.000	2025-HK01: Phí học phần(LAW101, ACC103, ECO102, MKT101)
LK20220224	Nguyễn Thanh Ngân	22HELP_KDQT01	24.576.000	18.432.000	6.144.000	2025-HK01: Phí học phần(LAW101)
LK20220178	Nguyễn Khánh Vi	22HELP_KDQT01	24.984.520	17.624.520	7.360.000	2025-HK01: Phí học phần(ECO203); 2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220012	Bùi Thị Thiên Lý	22HELP_KDQT01	28.968.000	17.264.000	11.704.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT212); 2025-HK01: Phí học lại(LAW101)
LK20220112	Lê Ngọc Khánh Vân	22HELP_KDQT01	30.196.000	24.636.000	5.560.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT212)
LK20220042	Đỗ Phạm Nhật Anh	22HELP_KDQT01	34.248.000	22.240.000	12.008.000	ACC103)
LK20220381	Trương Ngọc Tường Vy	22HELP_KDQT02	22.824.000	-	22.824.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT200, MGT212, ECO102, LAW305)
LK20220383	Trương Thị Lan Anh	22HELP_KDQT02	24.576.000	-	24.576.000	2025-HK01: Phí học phần(LAW101, ACC103, ECO102, MKT101)
LK20220385	Trương Thị Thảo Vy	22HELP_KDQT02	29.600.000	-	29.600.000	2025-HK01: Phí học phần(ECO102, MGT212, MKT101, ACC103, LAW101)
LK20220222	Nguyễn Thái Trà My	22HELP_KT	24.016.000	-	24.016.000	2025-HK01: Phí học phần(LAW101, ACC103, ECO102, MKT101)
LK20220071	Hoàng Hải Đăng	22HELP_MA01	1.784.520	884.520	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220034	Đào Phương Nghi	22HELP_MA01	12.968.000	12.068.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220064	Hồ Ngọc Huỳnh Như	22HELP_MA01	23.200.000	22.300.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220115	Lê Nguyễn Tiểu Trinh	22HELP_MA01	24.024.520	884.520	23.140.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT212, MKT203, MKT205, MKT207); 2025-HK01 Lệ phí thi lại
LK20220153	Ngô Tường Vy	22HELP_MA01	24.024.520	23.124.520	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220241	Nguyễn Thị Minh Châu	22HELP_MA02	16.680.000	-	16.680.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT203, MKT205, MKT207)
LK20220312	Phạm Trần Phương Giang	22HELP_MA02	22.240.000	-	22.240.000	2025-HK01: Phí học phần(MGT212, MKT203, MKT205, MKT207)
LK20220306	Phạm Quang Khánh	22HELP_MA02	23.140.000	22.240.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220338	Trần Hoài An	22HELP_MA02	23.140.000	22.240.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220188	Nguyễn Mai Thi	22HELP_MA02	24.296.000	-	24.296.000	2025-HK01: Phí học phần(ACC103, MKT101, ECO102, LAW101)

MSSV	Họ tên	Lớp	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ	Tên khoản nợ
LK20220315	Phan An	22HELP_MA02	24.576.000	-	24.576.000	2025-HK01: Phí học phần(ACC103, ECO102, LAW101, MKT101)
LK20220317	Phan Bình An	22HELP_MA02	28.968.000	23.408.000	5.560.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT207)
LK20220290	Phạm Công Danh	22HELP_MA02	29.004.000	28.104.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220174	Nguyễn Huy Bình	22HELP_MA02	29.284.000	28.384.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220267	Nguyễn Thị Yến Nhi	22HELP_MA02	30.228.520	29.328.520	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220417	Vũ Thị Kim Ngân	22HELP_MA03	17.640.000	16.740.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220400	Võ Thị Yến Nhi	22HELP_MA03	23.140.000	22.240.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220375	Trịnh Thị Lan Anh	22HELP_MA03	29.660.000	27.860.000	1.800.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220027	Đặng Nguyễn Anh Dũng	22HELP_TC	18.224.000	17.324.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20220361	Trần Thị Kim Ngân	22HELP_TC	24.876.520	18.732.520	6.144.000	2025-HK01: Phí học lại(LAW101)
LK20231132	Diệp Nhật Quang	23HELP_KDQT_HV	24.892.000	23.992.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20230622	Nguyễn Trần Nhật Chiêu	23HELP_KDQT01	27.648.000	-	27.648.000	2025-HK01: Phí học phần(HGA101, ACC103, ECO102, LAW101, MKT101)
LK20230009	Phạm Đan Thanh	23HELP_KT_HV	19.952.000	18.152.000	1.800.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20230021	Hà Lê Thùy Linh	23HELP_MA_HV	24.368.000	23.468.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20231009	Nguyễn Hoàng Danh	23HELP_MA_HV	25.536.000	24.636.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20231581	Trần Nguyễn Ái My	23HELP_MA_HV	25.536.000	24.636.000	900.000	2025-HK01: Lệ phí thi lại
LK20230064	Nguyễn Đăng Duy Khánh	23HELP_MA01	27.288.000	60.000	27.228.000	2025-HK01: Phí học phần(HGA101, ACC103, MKT101, ECO102, LAW101)
LK20231327	Nguyễn Bảo Gia Hưng	23HELP_MA01	27.368.000	-	27.368.000	2025-HK01: Phí học phần(LAW101, HGA101, ACC103, ECO102, MKT101)
LK20230646	Phạm Nguyễn Phương Anh	23HELP_MA01	28.392.520	884.520	27.508.000	2025-HK01: Phí học phần(HGA101, ACC103, ECO102, LAW101, MKT101)
LK20230175	Lại Khánh Ngọc	23HELP_MA01	28.392.520	9.960.520	18.432.000	2025-HK01: Phí học phần(ECO102, LAW101, MKT101)
LK20231549	Phan Nguyên Thùy Trang	23HELP_MA01	28.532.520	25.460.520	3.072.000	2025-HK01: Phí học phần(HGA101)
LK20230048	Nguyễn Ngọc Thành Long	23HELP_TC_HV	18.492.000	17.908.000	584.000	2025-HK01: Phí học phần(FIN205)
LK20230266	Lê Ngọc Vân Anh	23HELP_TC_HV	24.576.000	6.144.000	18.432.000	2025-HK01: Phí học phần(FIN204, FIN205 MGT212)
LK20231569	Đinh Bùi Kỳ Duyên	24HELP_KDQT_HV	15.750.000	-	15.750.000	2025-HK01: Phí học phần(HGA101, LAW101, MKT101)
LK20242143	Trần Đỗ Tuyết Ngân	24HELP_KDQT_HV	15.750.000	15.000.000	750.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT101)

MSSV	Họ tên	Lớp	Học phí	Đã đóng/giảm	Còn nợ	Tên khoản nợ
LK20242200	Trần Thùy Anh	24HELP_KDQT_HV	15.750.000	15.080.000	670.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT101)
LK20210247	Nguyễn Hà Nguyên Khang	24HELP_KDQT_HV	22.050.000	250.000	21.800.000	2025-HK01: Phí học phần(ECO102, LAW101, ACC103, HGA101)
LK20241653	Lê Khả Nhi	24HELP_KDQT_HV	22.050.000	4.800.000	17.250.000	2025-HK01: Phí học phần(ECO102, HGA101, LAW101, MKT101)
LK20241733	Trương Thị Mỹ Hoa	24HELP_KDQT_HV	28.350.000	27.648.000	702.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT101)
LK20242237	Vũ Thị Mỹ Hạnh	24HELP_KT_HV	15.750.000	15.360.000	390.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT101)
LK20242168	Hà Quốc Bảo	24HELP_MA_HV	15.750.000	15.000.000	750.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT101)
LK20242720	Đào Thị Ngọc Hân	24HELP_MA_HV	15.750.000	15.221.130	528.870	2025-HK01: Phí học phần(MKT101)
LK20242100	Vũ Thùy Dương	24HELP_MA_HV	28.350.000	27.368.000	982.000	2025-HK01: Phí học phần(MKT101)
LK20241646	Ma Tân Thành	24HELP_TC_HV	15.810.000	15.420.000	390.000	2025-HK01: Phí học phần(LAW101)